

# QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE CƠ GIỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 0998/QĐ-PHH ngày 23/04/2015 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV)

Quy tắc bảo hiểm này áp dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm vật chất xe cơ giới không mang tính chất bắt buộc của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (gọi tắt là “BIC”) đã được Bên mua bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “chủ xe”) lựa chọn và tự nguyện tham gia bảo hiểm. Trên cơ sở chủ xe cơ giới yêu cầu bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận, BIC nhận bảo hiểm vật chất xe cho chủ xe theo các điều kiện quy định trong Quy tắc này.

## PHẦN I. QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1: Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới, bao gồm:

1. Quy tắc bảo hiểm xe cơ giới: là điều khoản quy định phạm vi bảo hiểm, quyền lợi, trách nhiệm của Chủ xe, của BIC và được BIC cấp khi Chủ xe yêu cầu.
2. Giấy yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của chủ xe cơ giới: là bằng chứng về đề nghị bảo hiểm của Chủ xe và là cơ sở để thiết lập Hợp đồng bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm là một bộ phận cấu thành và không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm.
3. Giấy chứng nhận bảo hiểm: Được BIC cấp cho Chủ xe, là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm và được điều chỉnh theo Quy tắc này.
4. Hợp đồng bảo hiểm (nếu có): là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa BIC và chủ xe, được điều chỉnh theo Quy tắc này.
5. Các điều khoản bảo hiểm bổ sung cho Hợp đồng: Là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm được thỏa thuận bổ sung nếu Chủ xe có yêu cầu.
6. Các thỏa thuận khác được lập thành văn bản giữa chủ xe và BIC.

### Điều 2: Hiệu lực bảo hiểm

1. Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.
3. Hợp đồng bảo hiểm chỉ phát sinh trách nhiệm bảo hiểm khi Chủ xe thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm cho BIC, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

### Điều 3: Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

1. Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 15 (mười lăm) ngày. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ấn định chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, nếu bên nhận được thông báo không có ý kiến phản hồi thì Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên được chấm dứt:
  - 1.1. Trường hợp chủ xe yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, BIC sẽ hoàn lại cho chủ xe 70% phí bảo hiểm của thời gian còn lại kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, BIC sẽ không hoàn lại phí bảo hiểm trong trường hợp Hợp

đồng bảo hiểm đang có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm liên quan đến chiếc xe yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm và đã được BIC chấp nhận bồi thường.

- 1.2. Trường hợp BIC yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, BIC sẽ hoàn lại toàn bộ số phí bảo hiểm của thời gian còn lại trong Hợp đồng cho chủ xe.
2. Trường hợp chủ xe không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Chủ xe vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo biểu phí quy định của BIC.
3. Nếu xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực, BIC có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm và được phép thu toàn bộ số phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

#### **Điều 4: Phí bảo hiểm và mức trách nhiệm bảo hiểm**

Phí bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm, Mức trách nhiệm bảo hiểm đối với bảo hiểm vật chất xe cơ giới được thỏa thuận và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của BIC trong một vụ tai nạn không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm (hoặc số tiền bảo hiểm) ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và không vượt quá số tiền thực tế chủ xe phải sửa chữa, thay thế, khôi phục lại đối tượng được bảo hiểm sau khi xảy ra thiệt hại.

#### **Điều 5: Trách nhiệm của chủ xe, người điều khiển xe**

1. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
2. Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe hoặc người đại diện của chủ xe phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.
3. Tạo điều kiện thuận lợi để BIC xem xét tình trạng xe trước khi cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.
4. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, chủ xe cơ giới phải thông báo cho BIC bằng văn bản trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó.
  - 4.1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì chủ xe có quyền yêu cầu BIC giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của chủ xe, BIC phải có công văn trả lời chủ xe về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí và thời hạn hoàn trả phí bảo hiểm được giảm.

Trong trường hợp BIC không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì chủ xe có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điểm 1.1 Điều 3 của Quy tắc này.

- 4.2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo thay đổi mức độ rủi ro của chủ xe, BIC phải có công văn trả lời chủ xe về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận bảo hiểm cho những rủi ro thay

đổi đó và BIC có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm nếu chấp nhận rủi ro thay đổi đó.

Trong trường hợp chủ xe không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì BIC có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điểm 1.2 Điều 3 của Quy tắc này.

5. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
6. Khi xảy ra tổn thất, chủ xe/người điều khiển xe phải có trách nhiệm:
  - 6.1. Thông báo ngay cho BIC để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng);
  - 6.2. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của doanh nghiệp bảo hiểm; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
  - 6.3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.
7. Chủ xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, chủ xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của BIC để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với BIC để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được BIC bồi thường.
9. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được BIC chấp thuận bồi thường, chủ xe/người điều khiển xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản bị thay thế cho BIC.
10. Khi xe cơ giới bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, chủ xe phải thông báo ngay cho cơ quan công an và BIC được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng của cơ quan công an và doanh nghiệp bảo hiểm.

#### **Điều 6: Trách nhiệm của BIC**

1. Giải thích cho chủ xe/người điều khiển xe về quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm; quyền lợi và trách nhiệm của chủ xe/người điều khiển xe khi tham gia bảo hiểm.
2. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp BIC phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp BIC không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày BIC có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì BIC phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường.

3. Trường hợp từ chối bồi thường, BIC phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày BIC nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ.
4. Phối hợp chặt chẽ với chủ xe/người điều khiển xe và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất.
5. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của chủ xe/người điều khiển xe, BIC sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.
6. BIC có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe/người điều khiển xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 8 quy tắc này.
7. BIC có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

#### **Điều 7: Giám định tổn thất**

1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, mọi tổn thất liên quan đến đối tượng bảo hiểm đều được BIC hoặc người được BIC ủy quyền tiến hành giám định trực tiếp với sự có mặt của chủ xe, lái xe hoặc người đại diện hợp pháp nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các biên liên quan. Chi phí giám định tổn thất do BIC chịu nếu thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
2. Trường hợp chủ xe/người điều khiển xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do BIC xác định thì hai bên sẽ thoả thuận việc lựa chọn giám định độc lập để thực hiện việc giám định. Trường hợp hai bên không thoả thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong hai bên yêu cầu Tòa án tại nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của chủ xe/người điều khiển xe chỉ định giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.
3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của BIC, BIC phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của BIC, chủ xe/người điều khiển xe phải trả chi phí giám định độc lập.
4. Đối với những tổn thất ước tính thiệt hại dưới 10 (mười) triệu đồng mà không có Cơ quan chức năng lập biên bản vụ việc thì Chủ xe phải cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn, mức độ thiệt hại cùng các tài liệu liên quan làm căn cứ xác định bồi thường.

#### **Điều 8: Hồ sơ bồi thường**

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do chủ xe cung cấp:
  - 1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường của chủ xe (theo mẫu của BIC);

- 1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên BIC sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:
    - a. Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
    - b. Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất;
    - c. Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có);
    - d. Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam.)
  - 1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
    - a. Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại
    - b. Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của BIC.
  - 1.4. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);
  - 1.5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);
  - 1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho BIC đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà chủ xe đã được BIC giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).
2. Tài liệu do BIC phối hợp với chủ xe để thu thập:
    - 2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
      - a. Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn;
      - b. Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
      - c. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn;
      - d. Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
      - e. Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có), Biên bản giải quyết tai nạn;
      - f. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải); biên nhận tiền (nếu có)
      - g. Các tài liệu khác có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có)
    - 2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có);
    - 2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.
  3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).
  4. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:
    - a. Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an;
    - b. Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;
    - c. Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;
    - d. Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an.
  5. Các chứng từ hợp lệ xác định chi phí hợp lý: thuê bảo vệ, cầu kéo xe, sửa chữa

khắc phục xe hoặc hồ sơ, chứng từ xác định giá trị xe (nếu cần).

### **Điều 9: Bảo hiểm trùng**

Trường hợp cùng một đối tượng bảo hiểm được bảo hiểm theo nhiều Hợp đồng bảo hiểm (Giấy chứng nhận bảo hiểm) khác nhau thì việc giải quyết bồi thường và phân chia bồi thường theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm: doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà chủ xe/người điều khiển xe đã tham gia bảo hiểm.
2. Những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Hợp đồng bảo hiểm (nếu có) thì được giải quyết độc lập theo từng Hợp đồng bảo hiểm.

### **Điều 10: Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện**

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của BIC là 90 ngày kể từ ngày chủ xe nhận được thông báo bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm. Quá thời hạn nêu trên, BIC sẽ không giải quyết khiếu nại.
3. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm chủ xe nhận được thông báo bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm.
4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu BIC và chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

### **Điều 11: Điều khoản thỏa thuận bổ sung**

Ngoài những quy định trong Quy tắc này, trường hợp chủ xe có yêu cầu mở rộng phạm vi bảo hiểm hoặc thu hẹp phạm vi bảo hiểm để được giảm phí bảo hiểm thì BIC sẽ xem xét theo từng yêu cầu cụ thể và có thể chấp nhận trên cơ sở thỏa thuận bổ sung bằng văn bản giữa chủ xe và BIC.

## **PHẦN II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 12: Phạm vi bảo hiểm**

BIC bồi thường cho chủ xe những thiệt hại vật chất xe xảy ra do thiên tai, những tai nạn bất ngờ, ngoài sự kiểm soát của chủ xe, lái xe trong những trường hợp:

- Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác ngoài xe cơ giới), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;
- Hỏa hoạn, cháy, nổ;
- Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên.
- Mất toàn bộ xe do trộm, cướp
- Tai nạn rủi ro bất ngờ khác ngoài những điểm loại trừ quy định tại Điều 13 dưới đây.

Ngoài ra, BIC còn thanh toán những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh trong tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm nhằm:

- Ngăn ngừa, hạn chế tổn thất phát sinh thêm khi xe bị thiệt hại do các nguyên nhân

trên;

- Chi phí bảo vệ và đưa xe thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất;
- Chi phí giám định để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất với điều kiện việc giám định này được sự đồng ý của BIC.

### **Điều 13: Không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm**

Thiệt hại xảy ra trong những trường hợp sau không thuộc phạm vi bảo hiểm:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.
2. Tại thời điểm xe đang hoạt động (vận hành) xảy ra tổn thất nhưng không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc bị tạm giữ Giấy phép lái xe mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng lái xe không đến để giải quyết thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
4. Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và hoặc các chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đi ngược chiều của đường một chiều, rẽ, quay đầu xe tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng hoặc đủ đèn chiếu sáng theo quy định.
6. Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.
7. Xe chở hàng trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng theo quy định của pháp luật.
8. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (trừ trường hợp có thỏa thuận riêng, chủ xe nộp thêm phụ phí bảo hiểm và được BIC chấp nhận bằng văn bản).
9. Tổn thất xảy ra trong trường hợp khủng bố, chiến tranh và các nguyên nhân tương tự như: nội chiến, bạo loạn, đình công.
10. Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử).
11. Tổn thất đối với sẫm lốp, bạt thùng xe, nhãn mác trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn;
12. Mọi tổn thất về động cơ do xe hoạt động trong vùng/đường đang bị ngập nước (trừ khi có thỏa thuận khác).
13. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay do rò điện từ bất kỳ nguyên nhân nào (kể cả sét);
14. Xe chở vượt quá tải/số chỗ ngồi quy định trên 50% căn cứ theo giấy chứng nhận kiểm định. Các trường hợp khác sẽ áp dụng bồi thường theo tỷ lệ % vượt quá tải

- trọng được quy định tại Điểm 1.4 Điều 17.
15. Hư hỏng hay tổn thất cho xe cơ giới (bao gồm cả thiết bị chuyên dùng) mà không phải do tai nạn nói ở Điều 12 trên đây.
  16. Mất cắp, cướp bộ phận xe (trừ khi có thỏa thuận khác).
  17. Xe bị thiệt hại sau khi sửa chữa trung, đại tu hoặc cải tạo mới theo quy định phải đăng kiểm lại mà chưa đi đăng kiểm lại theo quy định của Nhà nước.
  18. Xe bị tổn thất do sự trung dụng của Chính quyền hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
  19. Xe bị mất do hành động lừa đảo, chiếm dụng, tranh chấp dân sự.
  20. Xe cho thuê tự lái.
  21. Tổn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp và tổn thất về xe cơ giới do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản).
  22. Tổn thất các thiết bị chuyên dùng trên xe cơ giới (trừ khi có thỏa thuận khác).
  23. Chủ xe cơ giới/Người điều khiển xe vi phạm vượt quá tốc độ cho phép trên 50%.
  24. Ngoài ra BIC có thể từ chối một phần hoặc toàn bộ Số tiền bảo hiểm mà lẽ ra BIC phải trả nếu Người được bảo hiểm cung cấp thông tin không trung thực, đầy đủ nhằm mục đích trục lợi bảo hiểm.

#### **Điều 14: Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)**

1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà chủ xe cơ giới yêu cầu BIC bảo hiểm cho xe của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.
2. Chủ xe cơ giới có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe.
3. BIC xác định giá trị của xe tham gia bảo hiểm như sau:
  - 3.1. Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe của các hãng sản xuất trong nước, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
  - 3.2. Đối với xe ô tô đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) với tỷ lệ (%) chất lượng còn lại được xác định trong tờ khai hải quan nhập khẩu.
    - a. Tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe tham gia bảo hiểm được xác định như sau:
      - Thời gian đã sử dụng từ 01 năm trở xuống: 100%;
      - Thời gian đã sử dụng từ trên 01 năm đến hết 03 năm: 85%;
      - Thời gian đã sử dụng từ trên 03 năm đến hết 06 năm: 70%;
      - Thời gian đã sử dụng từ trên 6 năm đến hết 10 năm: 55%;
      - Thời gian đã sử dụng trên 10 năm: 40%.
    - b. Thời gian đã sử dụng của xe được tính như sau:

Từ thời điểm đăng ký lần đầu (đối với xe sản xuất tại Việt Nam) hoặc số năm tính theo thời điểm sản xuất (đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng) đến thời điểm tham gia bảo hiểm.

#### **Điều 15: Bồi thường tổn thất**

1. Bồi thường tổn thất bộ phận



- 1.1. BIC chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có).
- 1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:
  - a. Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm;
  - b. Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới áp dụng theo quy định tại Điểm 1.2.c, Khoản 1, Điều 15 của Quy tắc này.
  - c. Trường hợp hợp đồng bảo hiểm không quy định xe được bảo hiểm theo Điều khoản bổ sung thay thế mới, BIC sẽ xác định chi phí hợp lý để thay thế mới bộ phận hư hỏng bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao tính theo tỷ lệ khấu hao được quy định tại Phụ lục 1 của Quy tắc này.
- 1.3. BIC bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất.
2. Bồi thường tổn thất toàn bộ.
  - 2.1. BIC bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm trước khi xảy ra tổn thất.
  - 2.2. BIC có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp khi có kết luận của cơ quan công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.
  - 2.3. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá trị thực tế của xe trước khi xảy ra tổn thất cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.
3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi BIC đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, cụ thể:

- 3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, BIC sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).
- 3.2. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi BIC đã bồi thường toàn bộ xe thì toàn bộ giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất thuộc sở hữu của doanh nghiệp bảo hiểm. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì BIC thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp chủ xe có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, BIC sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của doanh nghiệp bảo hiểm.
- 3.3. Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì BIC được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

## **Điều 16: Mức miễn thường**

Mức miễn thường không khấu trừ hoặc có khấu trừ là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

Mức miễn thường không khấu trừ là giá trị mỗi và mọi tổn thất bộ phận xảy ra dưới hoặc bằng mức tiền này thì Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu. Trường hợp giá trị tổn thất lớn hơn số tiền này thì BIC sẽ thanh toán toàn bộ giá trị tổn thất trong phạm vi đơn bảo hiểm.

Mức miễn thường có khấu trừ (mức khấu trừ) là khoản tiền Người được bảo hiểm bằng các chi phí của mình phải tự gánh chịu/sửa chữa trong mỗi và mọi tổn thất bộ phận của xảy trong trường hợp xảy ra sự cố.

BIC không bồi thường các mức miễn thường được kê khai trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm đối với mỗi tổn thất sau khi đã áp dụng tất cả các điều kiện, điều khoản của Hợp đồng bao gồm cả điều khoản tỷ lệ, khấu hao.

### **Điều 17: Giảm trừ bồi thường**

1. BIC thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:
  - 1.1. Giảm 10% đến 20% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
    - a. Chủ xe cơ giới/Người điều khiển xe không Thông báo tổn thất cho BIC trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng);
    - b. Chủ xe cơ giới/Người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về tài sản, không bảo vệ hiện trường tổn thất, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất; không thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm (trừ trường hợp bất khả kháng).
  - 1.2. Giảm 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
    - a. Chủ xe cơ giới/Người điều khiển xe tự ý di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BIC (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);
    - b. Chủ xe cơ giới/Người điều khiển xe vi phạm vượt quá tốc độ cho phép (từ 20% đến 50%);
  - 1.3. Giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
    - a. Chủ xe cơ giới không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với BIC để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho doanh nghiệp bảo hiểm;
    - b. Chủ xe cơ giới/Người điều khiển xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; không tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó;
  - 1.4. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải, số người (từ trên 20% đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng kiểm.
  - 1.5. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:

- a. Chủ xe cơ giới kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;
- b. Chủ xe cơ giới không thông báo cho BIC trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá trị xe).

2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường

Khi chủ xe cơ giới bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, BIC sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

## **Phụ lục 1: BẢNG TỶ LỆ KHẤU HAO BỘ PHẬN**

(Đính kèm và là bộ phận không tách rời của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 0998/QĐ-PHH ngày 23/04/2015)

### **I. Đối với các loại xe thông dụng:**

1. Xe còn giá trị từ 85% trở lên hoặc xe sử dụng dưới 03 năm không tính khấu hao sử dụng;
2. Xe còn giá trị từ 70% đến dưới 85% hoặc xe đã sử dụng từ 03 năm đến dưới 06 năm tính khấu hao sử dụng 15%-24%;
3. Xe còn giá trị trên 50% đến dưới 70% hoặc xe đã sử dụng từ 06 năm đến dưới 10 năm tính khấu hao sử dụng 25%-34%;
4. Xe đã sử dụng từ 10 năm đến 15 năm tính khấu hao sử dụng 35 %-49%;
5. Xe đã sử dụng trên 15 năm tính khấu hao 50%.

### **II. Đối với các loại xe khác: Đầu kéo, Taxi, xe cho thuê tự lái, xe khách liên tỉnh.**

Mức tính khấu hao tất cả các bộ phận là 150% so với các mức khấu hao của các loại xe thông dụng tại mục I trên.

Đối với những xe sử dụng từ 01 năm trở xuống không tính khấu hao. Đối với những xe sử dụng trên 01 năm đến dưới 03 năm áp dụng khấu hao 15%.

### **III. Quy định khác:**

Một số bộ phận như: Săm lốp, ắc quy, bạt phủ (thùng xe tải) hoặc những bộ phận thay thế theo định kỳ như: Gioăng, phốt, lọc gió, lọc dầu, lọc xăng, vòng bi, đề can, nhãn mác, dầu máy, nước làm mát ... phải tính phần trăm giá trị đã sử dụng thực tế.

*Lưu ý:*

- Trường hợp phụ tùng thay thế mới đã được thay thế một lần thì thời gian tính khấu hao tính từ thời điểm thay thế gần nhất đến khi bị tổn thất (Tuy nhiên lần thay thế trước phải là thay thế mới và có đầy đủ chứng từ để chứng minh việc thay thế mới này).
- Tất cả các xe không mua điều khoản bảo hiểm mới thay cũ đều áp dụng các quy định trên.